TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiêm Hươl

2. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 289/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Hữu Đ, sinh năm 1992;

Địa chỉ theo đơn khởi kiện: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh K.

Địa chỉ liên hệ hiện nay: nhà trọ số xxx, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện K, tỉnh.

(Anh Đ và chị X đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Huỳnh Hữu Đ có đơn xin vắng mặt.

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2021, nguyên đơn là anh Huỳnh Hữu Đ trình bày:

Anh Huỳnh Hữu Đ và chị Phạm Thị X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiến Giang vào năm 2018. Quan hệ vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả.

Về con chung: Anh Đ và chị Xuyến có 01 con chung tên là Huỳnh Như T, sinh ngày 31/5/2019. Hiện cháu Tiên đang ở cùng với chị Xuyến.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị X.

Anh Đ yêu cầu được nuôi con chung tên là Huỳnh Như T, sinh ngày 31/5/2019. Không yêu cầu chị Xuyến cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị X có đơn xin vắng mặt (vắng mặt).

Theo bản ý kiến ngày 27/10/2021, bị đơn là chị Phạm Thị X trình bày:

Chị Xuyến đồng ý ly hôn với anh Huỳnh Hữu Đ.

Về con chung: Chị Xuyến yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên là Huỳnh Như T, sinh ngày 31/5/2019, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa anh Đ và chị Xuyến đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

Về con chung: Do con chung tên là Huỳnh Như T, sinh ngày 31/5/2019 hiện nay đang ở cùng với chị X và hiện dưới 36 tháng tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X, giao con chung tên là Huỳnh Như T, sinh ngày 31/5/2019 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị X không có yêu cầu nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung do đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không trái với quy định của pháp luật, cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Vì vậy, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên là Huỳnh Như T, sinh ngày 31/5/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định con chung hiện đang sinh sống cùng với bị đơn. Tại khoản 3, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "….Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con..".. Xét thấy, tính đến thời điểm xét xử, con chung tên là Huỳnh Như T, chưa đủ 36 tháng tuổi, đây là khoảng thời gian cháu Tiên cần người mẹ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng nhất. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung tên là Huỳnh Như T, sinh ngày 31/5/2019 do dưới 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao con chung tên là Huỳnh Như T, sinh ngày 31/5/2019 cho bị đơn nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bị đơn không có yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn khai không có tài sản chung, nợ chung. Bị đơn không có ý kiến tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí HNST:

Nguyên đơn phải chịu 75.000 đồng án phí HNST.

Bị đơn phải chịu 75.000 đồng án phí HNST.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 1, khoản 3, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Huỳnh Hữu Đ và chị Phạm Thị X. Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Hữu Đ và chị Phạm Thị X.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Huỳnh Như T, sinh ngày 31/5/2019 cho chị Phạm Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Huỳnh Hữu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Huỳnh Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên là Huỳnh Như T, sinh ngày 31/5/2019 do chị Phạm Thị X không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Huỳnh Hữu Đ khai không có, Chị Phạm Thị X không có ý kiến tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

Anh Huỳnh Hữu Đ phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Chị Phạm Thị X phải chị 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Trả lại cho anh Huỳnh Hữu Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009975 ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

6. Án xử công khai, anh Huỳnh Hữu Đ và chị Phạm Thị X không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án do có đơn xin vắng mặt.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CCTHADS huyện Kế Sách;
- UBND xã (thị trấn) cấp giấy CNKH
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy